

DANH SÁCH ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - 15**
CBGD **Nguyễn Thành Quân**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	Điểm quá trình	THI	ĐIỂM HP	GHI CHÚ
1		Trần Ngọc	Ánh	04/03/2003	CCQ2217L	4.8	5.3	8.0	7.0	9.5	7.3	6.4	6.8	
2		Lê Phi	Diêu	17/03/2004	CCQ2217L	5.0	3.3	8.5	9.0	9.5	7.7	6.0	6.7	
3		Nguyễn Hồng	Duân	25/08/2004	CCQ2217K	6.5	6.8	6.5	5.0	7.5	6.4	9.0	8.0	
4		Phạm Văn	Đại	18/04/2004	CCQ2217L	6.8	6.3	7.5	5.3	7.5	6.6	6.0	6.2	
5		Nguyễn Hữu	Đạt	19/11/2004	CCQ2217K	5.5	5.0	8.5	9.0	9.5	8.0	7.4	7.6	
6		Huỳnh Thành	Đạt	13/01/2004	CCQ2217K	6.5	8.0	7.5	8.7	9.0	8.2	8.6	8.4	
7		Trần Mạnh	Đông	02/03/2004	CCQ2217K	4.5	5.3	6.5	7.0	8.5	6.8	7.6	7.3	
8		Lê Anh Vin	Em	30/10/2003	CCQ2217K	4.8	6.3	7.5	5.3	9.0	6.7	7.0	6.9	
9		Hoàng	Hào	04/09/2004	CCQ2217K	7.7	8.7	6.5	9.7	7.0	8.0	7.0	7.4	
10		Dương Trung	Hải	09/07/2004	CCQ2217L	6.5	6.3	7.5	5.0	8.0	6.6	6.6	6.6	
11		Võ Hùng	Hậu	11/05/2004	CCQ2217L	7.3	6.3	7.5	5.0	7.5	6.6	7.6	7.2	
12		Nguyễn Trung	Hiếu	23/08/2004	CCQ2217K	6.0	6.5	7.5	8.7	7.0	7.3	8.2	7.9	
13		Phạm Nguyễn Vĩnh	Hoài	08/07/2004	CCQ2217L	6.0	6.3	7.0	7.0	5.0	6.2	5.0	5.5	
14		Lương Công	Hoàng	24/05/2004	CCQ2217K	5.3	4.8	7.5	8.7	9.5	7.7	8.0	7.9	
15		Trương Đăng	Huy	07/02/2004	CCQ2217L	5.5	5.3	7.0	7.7	8.5	7.2	5.4	6.1	
16		Trịnh Gia	Huy	18/09/2004	CCQ2217L	5.5	6.3	7.0	9.3	7.5	7.5	7.4	7.4	
17		Nguyễn Minh	Huy	22/06/2004	CCQ2217L	3.3	6.3	7.0	5.0	7.0	5.8	5.0	5.3	
18		Lê Đình	Hùng	01/10/2004	CCQ2217K	4.8	6.3	6.5	7.7	8.0	7.0	5.0	5.8	
19		Nguyễn Hữu Mạnh	Hùng	18/07/2004	CCQ2217K	5.0	5.3	6.0	5.0	7.0	5.8	7.0	6.5	

20		Nguyễn Phi	Hưng	23/05/2004	CCQ2217K	7.3	6.3	6.5	6.7	7.5	6.9	8.2	7.7	
21		Trần Gia	Khang	28/07/2004	CCQ2217K	3.5	6.5	7.5	8.7	9.0	7.6	7.8	7.7	
22		Nguyễn Hồ Minh	Khang	12/01/2004	CCQ2217L	5.8	5.0	7.5	7.7	7.0	6.8	5.6	6.1	
23		Trương Y	Kiện	08/11/2004	CCQ2217K	4.5	7.0	7.5	9.7	8.5	7.9	7.0	7.4	
24		Nguyễn Hào	Kiệt	26/04/2004	CCQ2217L	5.8	7.8	7.0	8.0	7.0	7.2	7.8	7.6	
25		Trần Quốc	Kiệt	15/12/2004	CCQ2217K	5.3	5.8	7.0	5.0	8.0	6.3	5.2	5.6	
26		Nguyễn Duy	Lâm	22/10/2004	CCQ2217L	4.3	6.5	7.0	5.0	7.5	6.1	5.0	5.4	
27		Hào Hoàng	Lâm	20/06/2003	CCQ2217K	5.0	7.0	7.5	7.7	8.5	7.4	7.6	7.5	
28		Nguyễn Phúc	Lâm	22/11/2004	CCQ2217L	6.0	5.3	7.5	5.0	7.5	6.3	7.2	6.8	
29		Nguyễn Thành	Lâm	18/02/2004	CCQ2217K	6.3	7.8	7.5	5.0	8.5	6.9	8.4	7.8	
30		Nguyễn Thành	Lâm	08/07/2004	CCQ2217L	4.5	6.0	7.0	5.0	8.0	6.2	6.8	6.6	
31		Phan Bảo	Liêm	02/11/2004	CCQ2217L	3.0	5.5	7.0	5.3	9.0	6.3	6.2	6.2	
32		Nguyễn Thành	Long	12/10/2004	CCQ2217L	6.5	5.3	8.5	6.0	9.5	7.3	6.8	7.0	
33		Nguyễn Đại	Lộc	10/11/2004	CCQ2217K	4.8	7.3	7.5	5.6	7.0	6.4	6.0	6.2	
34		Phan Tiến	Lộc	11/07/2004	CCQ2217L	5.0	6.5	7.5	5.3	7.0	6.2	5.8	6.0	
35		Trần Thanh	Mạnh	02/12/2004	CCQ2217K	6.3	7.8	7.5	6.0	8.5	7.2	8.8	8.2	
36		Hà Duy	Nam	03/04/2004	CCQ2217K	5.0	7.0	7.5	9.0	7.0	7.4	7.4	7.4	
37		Ngô Văn	Nam	10/10/2004	CCQ2217K	4.5	6.8	7.0	9.7	8.0	7.7	7.8	7.7	
38		Võ Văn	Nam	26/08/2004	CCQ2217K	5.3	4.8	7.5	5.6	7.5	6.2	5.6	5.9	
39		Lê Văn Vân	Nam	12/09/2004	CCQ2217L						0.0		0.0	
40		Nguyễn Bá	Nghiệp	08/04/2004	CCQ2217L	7.0	5.8	7.5	9.0	7.0	7.5	7.4	7.4	
41		Nguyễn Trọng	Nghĩa	13/09/2003	CCQ2217K	7.3	7.0	7.5	5.3	9.0	7.2	7.4	7.3	
42		Lê Cao	Nhân	02/02/2004	CCQ2217L	7.0	7.3	7.5	9.0	7.5	7.8	7.8	7.8	
43		Đỗ Đức	Nhật	27/06/2004	CCQ2217L	7.0	6.0	7.0	5.3	8.0	6.7	7.8	7.3	
44		Nguyễn Hoàng	Phát	10/09/2004	CCQ2217L	4.3	4.3	7.5	5.0	8.5	6.1	8.0	7.3	
45		Phạm An	Phong	24/01/2004	CCQ2217K	5.5	5.8	7.5	9.0	9.0	7.8	6.0	6.7	
46		Lục Đình Vĩnh	Phong	27/11/2004	CCQ2217K	5.0	6.0	7.5	5.3	9.0	6.7	4.8	5.6	
47		Cao Xuân	Phong	21/12/2004	CCQ2217K	5.8	6.0	6.5	5.3	7.0	6.1	8.4	7.5	
48		Nguyễn Minh	Phúc	02/09/2004	CCQ2217L						0.0		0.0	
49		Trần Quốc	Phúc	07/05/2004	CCQ2217L	5.5	4.5	7.5	5.7	7.0	6.1	7.8	7.1	
50		Nguyễn Duy	Phương	08/02/2004	CCQ2217L	5.3	5.8	7.0	5.0	7.0	6.0	7.2	6.7	

51	Võ Kim	Quang	01/06/2004	CCQ2217K	4.8	7.5	6.5	6.3	9.0	7.1	7.2	7.1	
52	Lê Minh	Quang	18/10/2004	CCQ2217K	5.3	5.3	7.5	5.0	7.0	6.0	6.4	6.2	
53	Hồ Ngọc	Quảng	02/05/2004	CCQ2217K	4.0	7.3	6.5	9.3	7.5	7.3	6.8	7.0	
54	Phan Đình	Quốc	10/07/2004	CCQ2217K	6.8	5.5	7.5	5.0	7.5	6.4	6.6	6.5	
55	Nguyễn Thái	Sang	27/02/2004	CCQ2217K	4.0	4.5	7.5	9.7	8.5	7.5	6.2	6.7	
56	Phạm Ngọc	Tâm	17/03/2003	CCQ2217L	5.0	6.8	8.5	5.0	9.5	7.0	6.6	6.8	
57	Lê Nhật	Tân	04/02/2004	CCQ2217L	5.8	5.8	6.0	9.7	7.5	7.4	8.6	8.1	
58	Huỳnh Gia	Thanh	15/10/2004	CCQ2217K	4.5	5.8	7.5	5.0	8.0	6.3	5.6	5.9	
59	Trần Minh	Thắng	08/03/2004	CCQ2217K	5.5	5.0	6.5	5.0	8.5	6.3	8.2	7.4	
60	Ngô Trung	Tín	20/01/2004	CCQ2217K	4.5	3.3	7.5	8.3	7.5	6.7	6.4	6.5	
61	Lê Thành	Tính	08/05/2004	CCQ2217K	6.0	6.0	7.5	8.7	8.5	7.7	7.2	7.4	
62	Phan Trung	Tính	01/01/2004	CCQ2217L	6.3	6.5	7.5	8.3	7.5	7.4	6.8	7.0	
63	Tô Văn	Tính	23/09/2004	CCQ2217L						0.0		0.0	
64	Nguyễn Quốc	Toàn	08/12/2004	CCQ2217K	4.3	4.3	7.0	5.6	7.5	6.0	5.0	5.4	
65	Nguyễn Tấn	Toàn	21/01/2004	CCQ2217K	5.3	6.0	6.5	9.0	8.5	7.5	8.2	7.9	
66	Nguyễn Văn	Toàn	17/05/2004	CCQ2217L	5.5	4.8	7.0	6.0	8.0	6.5	7.2	6.9	
67	Nguyễn Minh	Trí	07/11/2004	CCQ2217K	5.0	3.8	6.0	5.3	7.5	5.8	8.2	7.2	
68	Đình Quốc	Trung	12/11/2004	CCQ2217L	6.3	5.8	7.5	5.3	8.5	6.7	6.8	6.8	
69	Đào Minh	Trường	05/02/2004	CCQ2217K						0.0		0.0	
70	Đình Xuân	Trường	07/01/2004	CCQ2217L	6.0	7.0	7.5	9.7	8.0	8.0	7.2	7.5	
71	Nguyễn Thanh	Tùng	03/01/2004	CCQ2217L	5.0	7.5	7.0	6.7	7.0	6.7	7.0	6.9	
72	Đình Quốc	Việt	04/11/2004	CCQ2217L	3.8	4.8	7.0	5.0	7.5	5.8	5.8	5.8	
73	Phan Quốc	Việt	26/06/2004	CCQ2217K	6.5	6.3	7.5	5.3	7.0	6.4	8.4	7.6	
74	Thông Minh	Vũ	24/03/2004	CCQ2217K	5.3	6.3	7.0	5.0	9.0	6.6	6.0	6.3	
75	Nguyễn Văn	Vũ	31/08/2004	CCQ2217L	4.3	5.3	8.5	5.0	9.5	6.7	7.6	7.2	
76	Phạm Hoàn	Vũ	18/10/2004	CCQ2217L	5.3	5.8	6.5	5.0	8.0	6.2	7.0	6.7	

Tp. HCM, ngày 29 tháng 09 năm 2022

Giảng viên

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Nguyễn Thành quân', written in a cursive style with a long horizontal stroke at the end.

Nguyễn Thành quân
